

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2023/HNGĐ-ST**

Ngày **16-3-2023**

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÌNH THUẬN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Bích Lam

+ Bà Trần Thị Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện TP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 498/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐ-HPT ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện TP, giữa các đương sự:

**1/ Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1987 “vắng mặt”

Địa chỉ: xóm 02, xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

**2/ Bị đơn:** Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1978 “vắng mặt”

Địa chỉ: khu phố 07, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Văn L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện TP (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 198/2011; Quyền số: I/2011 ngày 01-9-2011). Sau khi kết hôn bà Nh với ông Phạm Văn L cùng nhau sống với gia đình ông L tại thị trấn LH một thời gian nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống. Nguyên nhân, có sự khác nhau về văn hóa, tuổi tác, tính cách, vợ chồng không chia sẻ trong cuộc sống. Từ đó, mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn lớn

và càng trầm trọng hơn. Vì vậy, bà với ông Phạm Văn L đã sống ly thân nhiều năm (từ năm 2017) đến nay, bỏ mặc không ai quan tâm đến ai, bà về quê sống với mẹ bà cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa bà với ông L không hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được Nhà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn L.

- Về con chung của vợ chồng: có 01 (một) người con; tên Phạm Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 07-3-2011; Giới tính: Nữ, hiện nay Phạm Nguyễn Huyền Tr đang sống với bà. Bà xin nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toàn bộ thủ tục tố tụng của bị đơn, tòa án có tổng đạt hợp lệ cho mẹ bị đơn nhận và ngày 08/02/2023, Tòa án nhân dân huyện TP có đã lấy lời khai bà Phạm Thị N(mẹ ruột của bị đơn ông Phạm Văn L) theo bà Phạm Thị Ncung cấp về tình trạng hôn nhân, bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Văn L bà không biết rõ mâu thuẫn thế nào nhưng không thấy bà Nh về lại nhà bà thời gian từ năm 2017 đến nay. Bà cho rằng, hôn nhân con bà không hàn gắn lại được, không hạnh phúc thì đề nghị Tòa án cho ly hôn, và về con chung có 01 người con tên Phạm Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 07-3-2011; Giới tính: Nữ, hiện nay Phạm Nguyễn Huyền Tr đang sống với Nhung. Điều này phù hợp lời trình và nguyện vọng của bà Nh chứng tỏ bà Nh với ông L đã ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Tòa án nhân dân huyện TP đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc NTòa án nhân dân huyện TP ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Phạm Văn L.

Về con chung: Có 01 (một) người con; tên Phạm Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 07-3-2011; Giới tính: Nữ

Giao cho bà Nguyễn Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên.

Ông Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn L có nơi cư trú tại thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

**[2]** Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bị đơn hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[3]** Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận vào năm 2013. Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[3.1]** Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Văn L thực sự đã mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân do có sự khác nhau về văn hóa, tuổi tác, tính cách, vợ chồng không chia sẻ trong cuộc sống. Từ đó, mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn lớn và càng trầm trọng hơn. Bà Nh bỏ mặc, tự ý về nhà mẹ ruột sống. Hơn nữa, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài từ năm 2017 đến nay. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện bà không còn tình cảm với ông Phạm Văn L. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn L. Điều này cũng phù hợp với lời khai của bà Phạm Thị N (mẹ ruột của Phạm Văn L) cũng nhắc nhở Tòa án cho bà Nh, ông L ly hôn nếu không còn hạnh phúc.

Xét thấy, hôn nhân của bà Nh, ông L đã không còn sống chung với nhau từ 06 năm nay (từ năm 2017 đến nay) và ai cũng có cuộc sống riêng. Ông L trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến giải quyết, điều này chứng tỏ ông L không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nh. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà Nh và ông L đã thực sự

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

**[3.2]** Về con chung: Bà Nh và ông L có 01 (một) người con; tên Phạm Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 07-3-2011; Giới tính: Nữ. Hiện nay đang sống chung với bà Nh, bà Nh xin nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên. Xét thấy, yêu cầu của bà Nh là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì bà Nh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngiao Phạm Nguyễn Huyền Tr cho bà Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con bà Nh không có yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con NHội đồng xét xử không xem xét.

**[3.3]** Về tài sản và nợ chung: Không có.

**[4]** Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

**[5]** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp Nchấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **[1] Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 19, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

#### **[2] Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Phạm Văn L.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 07-3-2011; Giới tính: Nữ đến khi trưởng thành.

Ông Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Nh đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012010 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, bà Nguyễn Thị Nh đã nộp đủ án phí.

**[3]** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có Quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện TP;
- UBND thị trấn LH  
(GCNKH số 198/2011,  
quyển số I/2011 ngày 01/9/2011);
- Lưu vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bích Thị Kim Pháp**